UỶ BAN NHÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/C : 2281/16 HTP KHU PHỐ 7 THỊ TRẤN NHÀ BÈ H. NHÀ BÈ

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2015

THEO TT158/2013/TT/BTC NGÀY 13/11/2013 CỦA BTC

THÁNG 04 NĂM 2016

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NHÀ BÈ

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: năm 2015

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Thực hiện năm 2015/ kế hoạch 2015	Thực hiện 2015/ thực hiện 2014
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**121,464**	**105,810**	**107,413**	**101.51**	**88.43**
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120,518		106,901		88.70
2	Doanh thu hoạt động tài chính	94		215		228.72
3	Thu nhập khác	852		297		34.86
II	**Tổng chi phí**	**118,646**	**102,828**	**103,968**	**101.11**	**87.63**
1	Giá vốn hàng bán	108,875		92,703		85.15
2	Chi phí tài chính	136				-
	Trong đó, lãi vay	136				
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,609		10,069		104.79
5	Chi phí khác	26		1,196		4,600.00
III	**Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)**	**97.68**	**97.18**	**96.79**	**99.60**	**99.09**

	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu					
IV	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**2,818**	**2,982**	**3,445**	**115.53**	**122.25**
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,992		4,344		218,07
2	Lợi nhuận khác	826		(899)		(108,84)

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2015 đạt 101,51% so với kế hoạch, giảm 11,57 % so với thực hiện năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,52%, giảm 11,3% so với thực hiện năm 2014.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,2%, tăng 128,72% so với thực hiện năm 2014.

+ Thu nhập khác chiếm 0,28%, giảm 65,14% so với thực hiện năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2015 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2015 bằng 101,11% kế hoạch, giảm 12,37 % so với thực hiện năm 2014.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,17%, giảm 14,85% so với thực hiện năm 2014.

+ Chi phí tài chính chiếm 0%, (trong năm 2015 chi phí lãi vay đã được hạch toán vốn hoá vào giá vốn hàng bán).

+ Chi phí bán hàng chiếm 0%, tăng/giảm 0% so với thực hiện năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,68%, tăng 4,79% so với thực hiện năm 2014.

+ Chi phí khác chiếm 1,15%, tăng 4.600% so với thực hiện năm 2014. Nguyên nhân tăng là do trong năm đơn vị có hạch toán điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2012 và 2013 là 1.196 triệu đồng).

- Tổng chi phí năm 2015 chiếm 96,79% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2014 (0,89 %).

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,68% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiên năm 2014 (1,59%).

c.Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 115,53% kế hoạch, tăng 22,25% so với thực hiện năm 2014.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ TH năm 2015/ TH năm 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2,818	3,445	1.22
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2,198	2,687	1.22
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	14,406	14,391	1.00
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	241,489	271,430	1.12
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	19.56	23.94	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15.26	18.67	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0.91	0.99	

Qua bảng trên cho thấy năm 2015 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2014.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2015, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,78 (=tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 260.241/146.298)

⇨ Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là 17,58 lần (252.954/14.390) cao hơn so với quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định 206/2013/NĐ-CP, nhưng chủ yếu là do các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm của các dự án tái định cư.

Tổng hệ số nợ phải trả cao là do trong đó đơn vị có khoản tiền ứng trước là 214.445 triệu đồng, gồm tiền tiền ứng trước của các DA là 213.423 triệu đồng và khoản tiền ứng trước thi công các công trình của ngân sách là 1.022 triệu đồng.

Thuyết minh:

Các khoản tiền ứng trước của các DA là 213.423 triệu đồng gồm doanh thu nhận trước của DA 28 ha là 109.980 triệu đồng, khoản ứng trước của DA 62.377 triệu đồng và các khoản phải trả phải nộp theo DA là 41.066 triệu đồng, Trong đó:

+ Doanh thu nhận trước của DA 28 ha 109.980 triệu đồng gồm: Công ty đầu tư Tân Thuận là 8.400 triệu đồng, Công ty CP Chợ Lớn 19.488 triệu đồng; Công ty Bắc Trung Nam 46.663 triệu đồng và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng 34.846 triệu đồng, Hoán đổi đất dự án 28ha với ông Lê Thanh Hoà là 583 triệu đồng.

+ Các khoản ứng trước của DA là 62.377 triệu đồng là khoản thu tiền theo tiến độ DA 28 ha của Ban bồi thường.

+ Các khoản phải trả phải nộp theo của DA 28 ha là 41.066 triệu đồng gồm: Công ty CP Chợ Lớn 10.621 triệu đồng, Ngân hàng NB 23.388 triệu đồng; Liên đoàn LĐ Huyện 4.270 triệu đồng; đường dây điện Ô-Môn 2.787 triệu đồng.

Như vậy, sau khi loại trừ các khoản tiền ứng trước là 213.423 triệu đồng, nợ phải trả còn lại là 39.531 triệu đồng (252.954 tr.đ – 213.423 tr.đ). Vậy hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 2.75 lần (39.531 /14.390), đơn vị vẫn đảm bảo theo qui định.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
I	**Tổng tài sản**	**Triệu đồng**	**241,489**	**271,430**
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	229,872	260,241
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	11,617	11,189
3	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	95.19	95.88
4	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	4.81	4.12
II	**Tổng nguồn vốn**	**Triệu đồng**	**241,489**	**271,430**
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	224,053	252,954

2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	14,406	14,391
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	92.78	93.19
4	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	5.97	5.30

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho là 203.545 triệu đồng (chi phí dở dang của các dự án) và khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn là 24.586 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2015 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2014.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 252.954 triệu đồng (đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ là 3.712 triệu đồng) tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2015, tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác: không có phát sinh.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2015, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 24.585 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi và đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 338 triệu đồng. Trong năm đã thu được 200 triệu đồng và nợ phải thu khó đòi còn phải thu là 138 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2015, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 256.666 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 4.736 triệu đồng và không có nợ quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2015, tổng số vốn huy động của công ty là 29.246 triệu đồng trong đó của công ty Cổ phần Bắc Trung Nam là 28.646 triệu đồng và Ngân hàng NN Nhà Bè là 600 triệu đồng để đầu tư vào dự án 28 ha Nhơn Đức.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm Công ty đã đầu tư XDCB và giải ngân 526 triệu đồng, đã hình thành TSCĐ đưa vào sử dụng 526 triệu đồng, gồm: SC hệ thống điện văn phòng làm việc của của Công ty (230 triệu đồng) và đại tu xe ép rác 8258 (296 triệu đồng).

Dự án đang thực hiện: Dự án khu nhà ở 28 ha Nhơn Đức huyện Nhà Bè.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: chấp hành tốt.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương: chấp hành tốt

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2015 là 11.449 triệu đồng, đạt 197,84% (11.449 /5.787) so với kế hoạch được giao, tăng 4.296 triệu đồng chiếm tỉ lệ tăng 60,05% so với năm 2014. Nguyên nhân tăng là do trong năm có phát sinh thu tiền theo tiến độ của đối tác liên doanh nên phát sinh thuế GTGT và tạm nộp 1% thuế TNDN phải nộp của DA 28 ha.

- Đến 31/12/2015, các khoản thuế doanh nghiệp còn được khấu trừ là 897 triệu đồng, chi tiết như sau:

+ Các khoản thuế còn phải nộp ngân sách là 1.243 triệu đồng, trong đó thuế TNDN là 931 triệu đồng, tiền thuê đất 165 triệu đồng và phí, lệ phí là 147 triệu đồng.

+ Các khoản thuế còn được khấu trừ là 2.140 triệu đồng, trong đó thuế GTGT còn được hoàn của DA 28 ha là 2.067 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân 32 triệu đồng và khấu hao nhà SHNN 41 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: Không có phát sinh

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong năm 2015 khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện đều đạt từ 97% - 125% so với kế hoạch năm đã đề ra.

- Thu gom rác đường phố : khối lượng thực hiện là 118.567.695 m^2, tương đương 10.288 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: khối lượng thực hiện là 25.248 m^2/ lượt, đạt 97% kế hoạch (25.248 /26.073), tương đương 1.880 triệu đồng.

- Vận chuyển nước sạch: khối lượng thực hiện là 25.555 m^3, đạt 102% kế hoạch (25.555 /25.000), tương đương 1.996 triệu đồng.

- Vận chuyển rác: khối lượng thực hiện là 23.365,89 tấn/km, đạt 125% kế hoạch (23.365/18.682), tương đương 4.844 triệu đồng.

- Nạo vét hố ga: khối lượng thực hiện là 20.699 md, đạt 100% kế hoạch, tương đương 2.760 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 21.768 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 21.262 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của [Chủ sở hữu/Kiểm toán/ Thanh tra/ cơ quan quản lý TCDN]:

.....

.....

II. KẾT LUẬN:

Đơn vị tự đánh giá, xếp loại:

- Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL: Thực hiện tốt
- Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

..., ngày 14 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu	**TM.HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN** **CHỦ TỊCH**
Trần Thị Lệ Hằng	**Huỳnh Ngữ Siêu**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 2B-DN

Đơn vị chủ quản: UBND TP.HCM

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NĂM 2015

ĐVT : ĐVN

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp chuyển qua	Cộng SPS phải nộp năm 2015	Đã nộp năm 2015	Số còn phải nộp chuyển qua quý sau
A	B	C	1	2	3	4
I	**Thuế**	**10**	**(3,282,411,542)**	**10,637,978,231**	**8,359,010,923**	**(1,003,444,234)**
1	Thuế GTGT hàng bán nội đị	11	(2,947,987,155)	8,753,969,886	7,872,715,063	(2,066,732,332)
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		-	-	-
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13		-	-	-
4	Thuế Xuất, nhập khẩu	14		-	-	-
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệ	15	(165,080,919)	1,365,809,300	269,907,859	930,820,522
	Thuế TNDN cty		(165,080,919)	292,250,095	-	127,169,176
	Thuế TNDN Dự án			1,073,559,205	269,907,859	803,651,346
6	Thuế Tài nguyên	16			-	
7	Thuế Nhà đất - Nha SHNN			7,853,888	4,209,036	3,644,852
8	Tiền thuê đất -cty	18		347,964,636	186,676,476	161,288,160
9	Các khoản thuế khác	19	**(169,343,468)**	**162,380,521**	**25,502,489**	**(32,465,436)**
	Thuế môn bài		-	3,000,000	3,000,000	-
	Thuế thu nhập cá nhân		(169,343,468)	159,380,521	22,502,489	(32,465,436)
	Các loại thuế khác					-
II	**Các khoản phải nộp khác**	**30**	**213,042,218**	**810,917,022**	**917,433,051**	**106,526,189**
1	Các khoản phụ thu	31				-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	186,949,672	810,917,022	850,325,947	**147,540,747**
3	Các khoản khác	33	**26,092,546**	-	**67,107,104**	**(41,014,558)**
	Thu điều tiết			-	-	-
	Các khoản nộp phạt			-		-
	Nộp Khác (Khấu hao cơ bản nhà SHNN)		26,092,546	-	67,107,104	(41,014,558)
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	**40**	**(3,069,369,324)**	**11,448,895,253**	**9,276,443,974**	**(896,918,045)**

Ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người đại diện	Kế toán trưởng	Giám đốc
CHỦ TỊCH		
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Lệ Hằng	Trần Phước Thành

M.S.D.N:0301434177-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ H. NHÀ BÈ TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè
Đc: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát thị trấn Nhà Bè

Biểu 01 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2015			Giải ngân đến ngày 31/12/2015			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2015	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày.	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	SC TSCĐ xe ép rác 8258		296	296									296	31/12/2015		296		296
2	Sửa chữa VP công ty		230	230									230	31/12/2015		230		230
	Tổng cộng		**526**	**526**									**526**			**526**		**526**

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

CHỦ TỊCH

HUỲNH NGỮU SIÊU

Người lập biểu

TRẦN THỊ MỸ DUNG

Ngày 06 tháng 4 năm 2016
Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

TRẦN PHƯỚC THÀNH

Biểu 01 – Mẫu số 04

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Loại hình DN: Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu ....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu 1 Doanh thu và thu nhập khác			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Xếp loại			
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/ NNH (lần)				
105,810	107,413	A	2,982	3,445	14,406	14,409	0.207	0.239	A	260,241	146,298	1.78	A	A	A	A

Ngày 06 tháng 4 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	NGƯỜI LẬP BIỂU	GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH		
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Mỹ Dung	Trần Phước Thành

Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè
Đc: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát thị trấn Nhà Bè

Biểu 02 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2015)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/12/2015	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
A	**Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính**	Không có			Không có			
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	**Đầu tư vào ngành nghề khác**	Không có			Không có			
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							

Ngày 06 tháng 11 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
(Ký, đóng dấu)

CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngữ Siêu

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký)

Lê Thị Kim Minh

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Trần Phước Thành

Biểu 02 – Mẫu số 04

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH H. NHÀ BÈ	0.21	0.24	1.16	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Ngày 06 tháng 04 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
(Ký, đóng dấu)

M.S.D.N:0301434177 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ H. NHÀ BÈ TP. HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngữ Siêu

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Mỹ Dung

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu)

Trần Phước Thành

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Biểu 03 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

ĐVT: tr đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Thực hiện năm 2015		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	168,884	185,512		203,545	120.52	109.72	
B.Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,252	120,592		107,494	104.11	89.14	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,332	74		593	25.43	801.35	
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100,920	120,518	105,810	106,901	105.93	88.70	101.03
4. Giá vốn hàng bán	87,653	108,875		92,703	105.76	85.15	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,267	11,643		14,198	107.02	121.94	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	75	94		215	286.67	228.72	
7. Chi phí tài chính	134	136			-	-	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Thực hiện năm 2015		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,531	9,609		10,069	95.61	104.79	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,677	1,992		4,344	162.27	218.07	
11. Thu nhập khác	90	852		297	330.00	34.86	
12. Chi phí khác		26		1,196		4,600.00	
13. Lợi nhuận khác	90	826		(899)	(998.89)	(108.84)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,767	2,818	2,982	3,445	124.50	122.25	115.53
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	692	620	656	758	109.54	122.26	115.54
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2,075	2,198	2,157	2,687	129.49	122.25	124.57

GHI CHÚ: *Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.*

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty .

Ngày 06 tháng 04 năm 2016

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngữ Siêu

Người lập biểu
(Ký)

Trần Thị Mỹ Dung

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)

Trần Phước Thành

Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè
Đc: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, thị trấn Nhà Bè

Biểu 04 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm:				
– Thu gom rác đường phố (m^2):	118.567.695	118.567.695	100 %	
– Chăm sóc cây xanh (m^2 / lượt):	26.073	25.248	97 %	
– Vận chuyển nước sạch (m^3):	25.000	25.555	102 %	
– Vận chuyển rác (tấn-km):	18.682,66	23.365,89	125 %	
– Duy tu cầu đường thoát nước (md):	20.699	20.699	100 %	
Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không có	Không có		
Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không có	Không có		
Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm:	20.637.597.000 đ	21.262.487.838		
– Thu gom rác đường phố:	10.160.325.000 đ	10.106.381.083		
– Chăm sóc cây xanh:	1.890.000.000 đ	1.879.749.712		
– Vận chuyển nước sạch:	1.880.000.000 đ	1.900.000.000		
– Vận chuyển rác:	4.120.000.000 đ	4.720.000.000		
– Nạo vét	2.587.272.000 đ	2.656.357.043		
Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm:	21.142.943.723 đ	21.768.487.838		
– Thu gom rác đường phố:	10.287.272.727 đ	10.287.635.341		
– Chăm sóc cây xanh:	1.970.000.000 đ	1.879.749.712		
– Vận chuyển nước sạch:	1.904.761.905 đ	1.996.415.086		
– Vận chuyển rác:	4.217.272.727 đ	4.844.687.699		
– Nạo vét hố ga	2.763.636.364 đ	2.760.000.000		

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	NGƯỜI LẬP BIỂU	GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký, đóng dấu)
CHỦ TỊCH		
Huỳnh Ngữ Siêu	Lê Thị Kim Minh	Trần Phước Thành

1. Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301434177 ngày 11 tháng 08 năm 2010
3. Địa chỉ: 2281/16 Khu phố 7,Thị trấn Nhà Bè huyện NB.

Biểu 05 – Mẫu số 01

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

	Có	Không
1. Trong năm, doanh nghiệp có tuân thủ *(không bị xử phạt hành chính)* và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (*có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...)* các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	X	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách *(chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...)* cho người lao động hay không?	X	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?		X

Thuyết minh chỉ tiêu 4: Doanh nghiệp luôn tuân thủ và thực hiện tốt trong việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật chủ trương của nhà nước. Trong năm không có trường hợp vi phạm nào xảy ra và bị lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

Ngày 06 tháng 04 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	NGƯỜI LẬP BIỂU	GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH		
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Mỹ Dung	Trần Phước Thành

Biểu số 6 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

1. Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301434177 ngày 11 tháng 08 năm 2010
3. Địa chỉ: 2281/16 Khu phố 7,Thị trấn Nhà Bè huyện NB.
4. Vốn điều lệ: (Vốn nhà nước 100%)
   - Vốn điều lệ đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 8 năm 2010: 11.116 triệu đồng
   - Vốn điều lệ đăng ký lần tư ngày 27 tháng 11 năm 2015: 13.613 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	14,406	14,391	1.00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11,386	13,613	1.20
2. Quỹ đầu tư phát triển	3,020	778	0.26
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
B. Tổng tài sản	241,489	271,430	1.12
C. Lợi nhuận sau thuế	2,198	2,687	1.22
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	15.26	18.67	X
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	0.91	0.99	X

Ngày 06 tháng 04 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	NGƯỜI LẬP BIỂU	GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Mỹ Dung	Trần Phước Thành

Biểu 07 - Mẫu số 01

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Loại hình DN: Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu ….

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

ĐVT : tr đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	3,020	790	3,032	778
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1,956	2,639	1,689	2,906
3. Quỹ thưởng VCQLDN	403	191	66	528
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh:

- Quỹ đầu tư phát triển:

Trong năm 2015: Có trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển 778 triệu đồng tạm trích theo báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán độc lập

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Trong năm 2015:

* Tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.639 triệu đồng, gồm: 108 triệu đồng do trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi theo biên bản duyệt quyết toán năm 2012 của Chi Cục tài chính doanh nghiệp; phân phối số dư quỹ đầu tư PT 768 triệu đồng và trích năm 2015 là 1.763 trđ; thu khen thưởng 1 trđ

* Giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.689 triệu đồng do: Chi phúc lợi 967 triệu đồng; Chi khen thưởng cho CB.CNV 722 triệu đồng.

- Quỹ thưởng Ban điều hành:

Trong năm 2015::

* Tăng quỹ khen thưởng VCQLDN là 191trđ: trong đó 6 triệu đồng do trích lập quỹ bổ sung theo biên bản duyệt quyết toán năm 2012 của Chi Cục tài chính doanh nghiệp, trích năm 2015: 147 triệu đồng, phân phối số dư từ quỹ đầu tư PT: 38trđ

* Giảm quỹ khen thưởng VCQLDN là 67, gồm: do chi khen thưởng cho VCQLDN năm 2010,2011 là 65 triệu đồng và chi thưởng VCQL đạt LĐTT năm 2014 là 2 triệu đồng.

Ngày 06 tháng 4 năm 2016

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	NGƯỜI LẬP BIỂU	GIÁM ĐỐC DOANH NGIỆP
CHỦ TỊCH		
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Mỹ Dung	Trần Phước Thành

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Biểu 08A - Mẫu số 01

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

NĂM 2015

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước năm báo cáo	Năm báo cáo	Tỷ lệ % Năm BC/Năm trước
1. Tổng tài sản	241,489	271,430	112.40
2. Vốn chủ sở hữu	14,406	14,391	99.90
3. Nợ phải thu	26,398	24,586	93.14
Trong đó: Nợ khó đòi	338	139	41.12
4. Nợ phải trả	226,584	256,666	113.28
Trong đó: Nợ quá hạn	18,178		
5. Lợi nhuận phát sinh	2,818	3,445	122.25

Thuyết minh: Nợ khó đòi của công ty Hiệp Long: công trình nhà ăn, nhà xử lý rác: 139 triệu đồng, năm 2016 công ty đã thu nợ 139trđ

Ngày 06 tháng 4 năm 2016

Hội đồng thành viên	Người lập biểu	Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký, đóng dấu)
Huỳnh Ngữ Siêu	Trần Thị Mỹ Dung	Trần Phước Thành